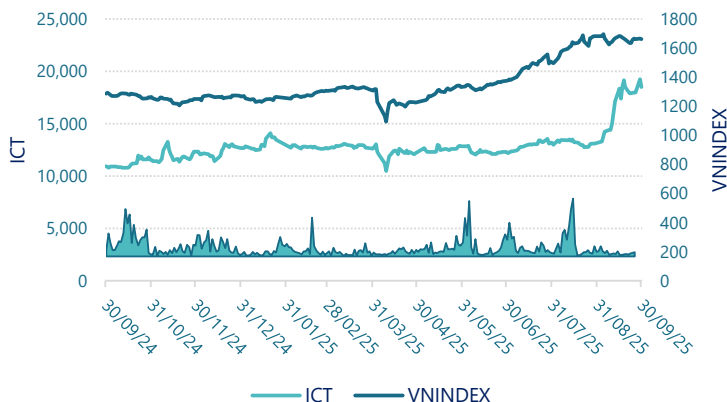




CTCP Viễn thông - Tin học Bưu điện (HSX: ICT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	18,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,250
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,487
SL cổ phiếu LH	32,185,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	165,975
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	595
P/E	17.9
EPS	1,034

DT thuần

Q3/25

705

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 418 | 146%

YoY: ▲ 219 | 45.1%

LN sau thuế

Q3/25

1.76

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 11.4 | -86.7%

YoY: ▲ 0.12 | 7.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

0.9%

+/- YoY: ▼ 0.4%

DT thuần

9T 2025

1,181

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 94.0 | -7.4%

LN sau thuế

9T 2025

19.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.20 | 6.7%

ROE

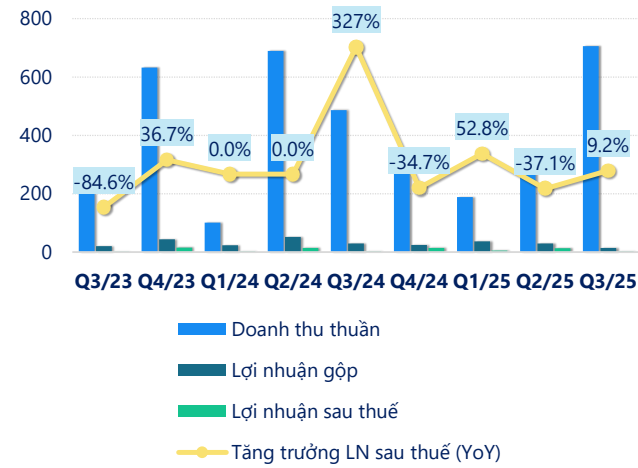
Q3/25

5.2%

+/- YoY: ▼ 0.2%

tỷ VNĐ

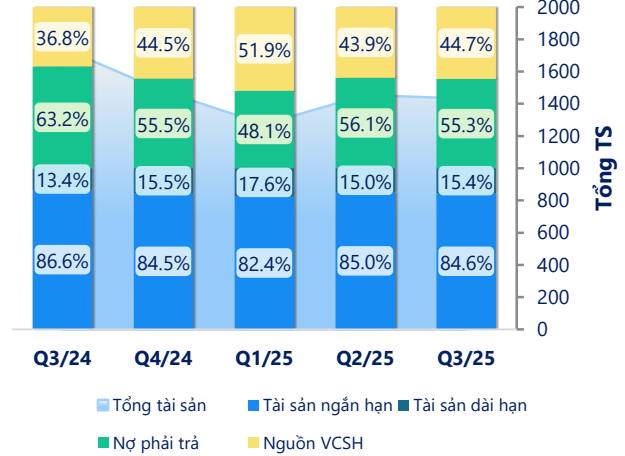
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

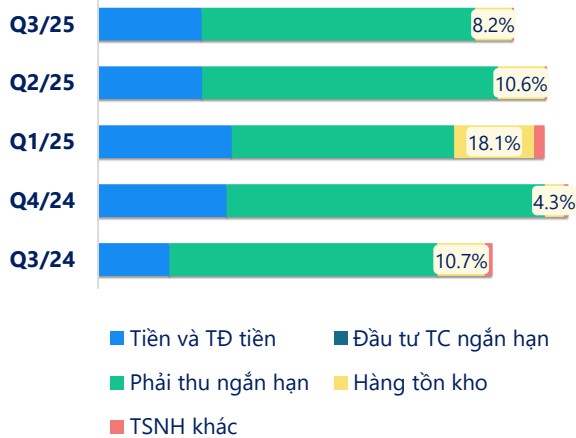
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



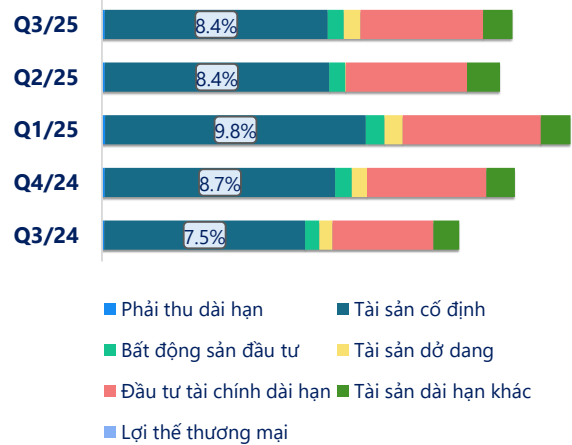
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

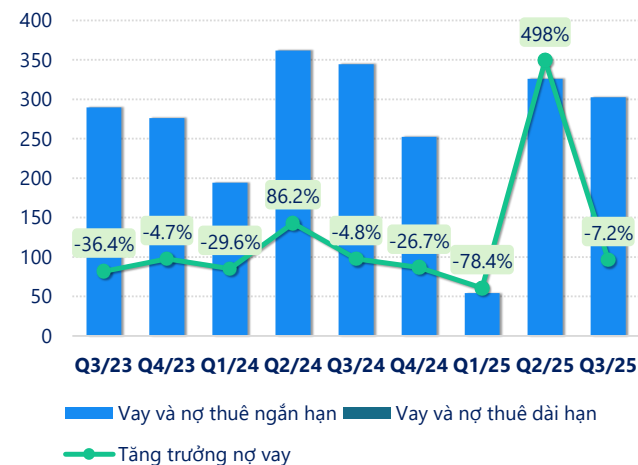
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

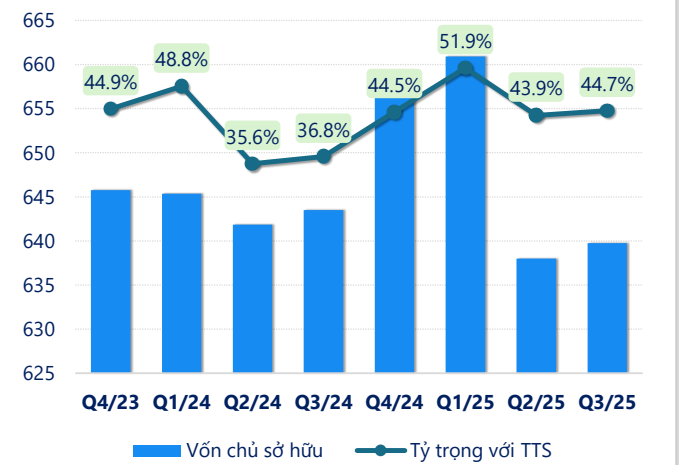
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

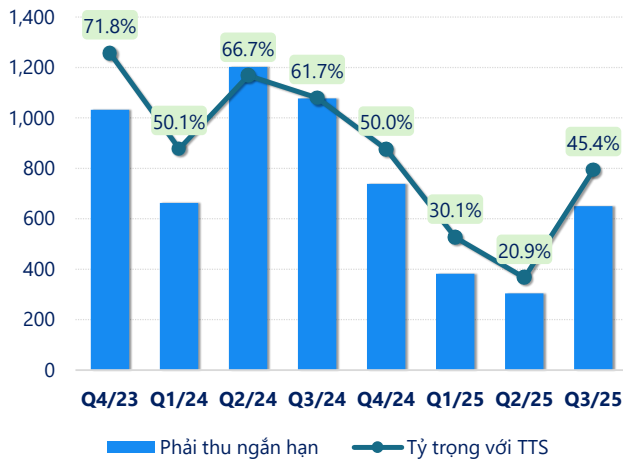
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


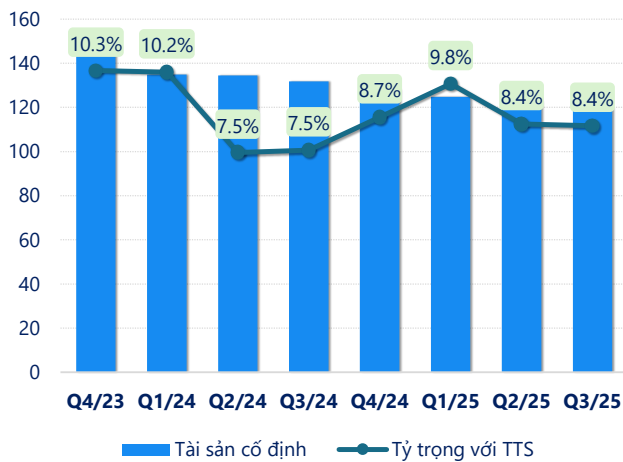
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

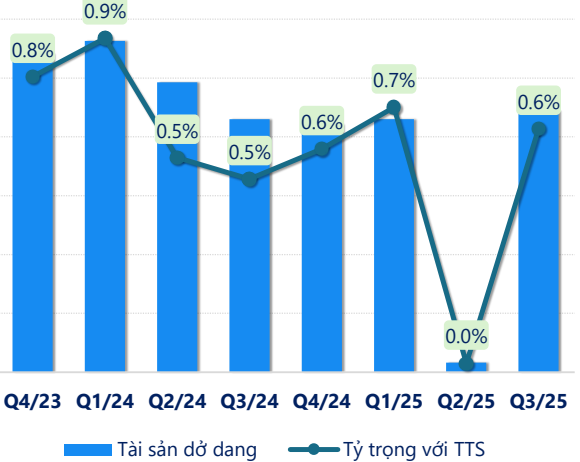

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

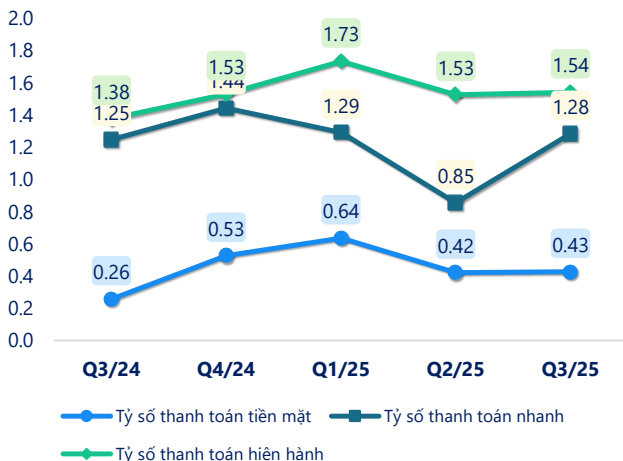
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

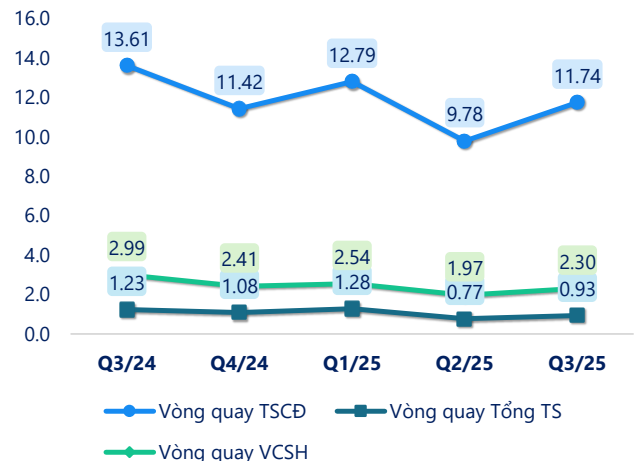
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,746	1,478	1,273	1,455	1,432
Tài sản ngắn hạn	1,512	1,249	1,048	1,237	1,211
Tiền và tương đương tiền	282	430	384	342	336
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,077	739	382	305	650
Hàng tồn kho	144	71.7	268	545	202
Tài sản ngắn hạn khác	8.69	8.41	13.9	45.6	23.3
Tài sản dài hạn	235	230	224	218	221
Phải thu dài hạn	1.57	1.55	1.55	1.55	1.55
Tài sản cố định	132	128	125	123	120
Bất động sản đầu tư	9.39	9.21	9.04	8.86	8.69
Tài sản dở dang	8.60	8.41	8.59	0.33	8.89
Đầu tư tài chính dài hạn	66.4	66.4	66.2	66.2	66.2
Tài sản dài hạn khác	16.9	15.9	14.2	18.2	15.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,103	821	612	817	793
Nợ ngắn hạn	1,097	816	605	810	786
Vay và nợ thuê ngắn hạn	344	253	54.4	326	302
Phải trả người bán ngắn hạn	552	402	395	270	295
Nợ dài hạn	6.15	5.46	7.05	7.05	7.05
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	643	657	661	638	640
Vốn chủ sở hữu	643	657	661	638	640
Vốn điều lệ	322	322	322	322	322
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)